TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-PT
Ngày: 31- 7- 2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Lương Quốc Phòng** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 10/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1965;
- Bị đơn: Ông Võ Đình H, sinh năm 1971 và bà Lê Thị Y, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1974; Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Võ Đình K, sinh năm 1965;
Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- Người kháng cáo: nguyên đơn bà Võ Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị Đ trình bày:

Vào năm 2000, bà có giúp em ruột là Võ Thị T mượn nhà kho tại thị trấn H, huyện Q và đổ hàng vật liệu xây dựng gồm: tôn, gạch, đá, thép, xi măng … để bà T buôn bán, làm ăn nuôi con. Trong quá trình buôn bán đến tháng 5/2001 bà T còn nợ bà số tiền 68.893.000 đồng. Để trả bớt nợ, bà T đã bán cho bà thửa đất 722, tờ

bản đồ số 7, diện tích 160m^2 (theo Giấy CNQSD đất năm 2003 là 120m^2). Vị trí thửa đất: thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam do ông Võ Đình H, bà Lê Thị Y đứng tên Giấy CNQSD đất để trừ nợ số tiền 5.000.000 đồng. Tại thời điểm thỏa thuận trừ nợ, bà T đã đưa cho bà Quyết định số 15 của UBND huyện Q về việc giao đất cho vợ chồng H, Y. Sau đó vợ chồng H, Y đã đồng ý chuyển giao quyền sử dụng, đã viết Giấy ủy quyền và tặng cho chị mình là Võ Thị Đ trọn quyền sử dụng thửa đất 722. Năm 2003 vợ chồng H, Y được cấp Giấy CNQSD đất của thửa 722. Đến năm 2007, bà lên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q để làm thủ tục sang tên, đổi chủ, trên đường về bà bị kẻ cướp giật túi xách mất một số tài sản trong đó có Giấy ủy quyền, tặng cho thửa đất và Giấy CNQSD đất của thửa 722. Sau khi bị mất Giấy CNQSD đất, bà có làm đơn báo cáo UBND xã Q để địa phương thông tin lên đài phát thanh để tránh rắc rối như: cho vay, cầm cố. Vào ngày 15/02/2008, tại UBND xã Q, ông Trần Hữu M có lập biên bản thì ông H đã đồng ý tặng cho và chấp nhận sang tên đổi chủ thửa 722 cho bà. Sau đó đất được nhà nước thu hồi lại, trong thời gian chờ đợi nhà nước trả lại đất thì ông H, bà Y đã ký vào Giấy xác nhận tặng cho đất ở do bà viết ngày 20/3/2018. Khi có thông tin nhà nước trả đất lại cho dân thì ông H, bà Y ủy quyền cho bà làm các thủ tục cấp lại bìa mới theo quy định pháp luật và được cấp Giấy CNQSD đất vào ngày 10/8/2020. Năm 2020, tại UBND thị trấn H có mặt vợ chồng ông H, bà Y và bà T đến làm việc để hòa giải tranh chấp liên quan đến thửa đất 722, thì vợ chồng H và T xin lại mỗi người 02m chiều ngang nhưng bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý cho mỗi người 150.000.000 đồng, sau khi trừ nợ bà sẽ thối trả lại số tiền chênh lệch, nhưng chị, em không thỏa thuận được. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà đối với thửa đất 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2. Vị trí thửa đất: thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam như diễn biến sự việc bà đã trình bày trong nội dung biên bản làm việc tại UBND xã Q ngày 15/02/2008 và "Giấy xác nhận tặng cho đất ở" ngày 20/3/2018.

Thực chất vợ chồng ông H, bà Y phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà đối với thửa đất 722, tờ bản đồ số 7 vì thửa đất này của bà T đã bán cho bà để trừ nợ. Thửa đất là tài sản của bà T nhờ vợ chồng ông H, bà Y đứng tên hộ nhưng là chị em ruột để giảm bớt thuế, nên bà yêu cầu vợ chồng ông H, bà Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Và khi vợ chồng ông H, bà Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 722, bà đồng ý cho vợ chồng H, Y và T mỗi người 40.000.000 đồng và không lấy số tiền nợ của Y là 18.116.000 đồng, của T là 19.000.000 đồng.

Tại Đơn xin bổ sung yêu cầu kháng cáo bà Đ trình bày: đối với thửa đất 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2 tại thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất vào ngày 10/8/2020 cho ông Võ Đình H và bà Lê Thị Y, bà Đ tự thống nhất theo Biên bản hòa giải ở xã. Bà đồng ý nhận 60% thửa đất, phía bị đơn được nhận 40% thửa đất (theo chiều ngang mặt tiền). Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc chia hiện vật thì bà Đ đồng ý nhận 50% thửa đất bằng hiện vật, yêu cầu bên kia thối trả giá trị 10% thửa đất với đơn giá 10.000.000/m^2 cụ thể là số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Bị đơn ông Võ Đình H trình bày:

Thửa đất 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2, tại thị trấn H, huyện Q, tỉnh

Quảng Nam được cấp lại Giấy CNQSD đất vào năm 2020 là của vợ chồng ông, không phải tài sản của bà Võ Thị T nhờ vợ chồng ông đứng tên như bà Đ trình bày. Thửa đất này ông được nhà nước giao đất từ năm 1997 đến 2003 thì được cấp giấy chứng nhận lần đầu. Sau đó nhà nước có thông báo thu hồi lại thửa đất thì ông phát hiện bị mất Giấy CNQSD đất nên đến Chi cục thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q tìm lại thông tin thửa đất. Đến năm 2020 nhà nước thông báo trả lại đất cho nhân dân nên ngày 18/6/2020 vợ chồng ông có làm giấy ủy quyền cho bà Đ làm các thủ tục giấy tờ cấp lại Giấy CNQSD đất đối với thửa 722, nhưng khi nhận Giấy CNQSD đất bà Đ không đưa lại cho vợ chồng ông.

Bản giấy viết tay có nội dung "Giấy xác nhận tặng cho đất ở" ngày 20/3/2018 là bà Đ đưa tờ giấy trắng để vợ chồng ông ký và sau đó bà Đ tự viết nội dung, chứ vợ chồng ông không đồng ý tặng thửa đất 722 cho bà Đ như bà Đ trình bày. Chữ ký và viết tên của vợ chồng ông là Võ Đình H và Lê Thị Y ở cuối "Giấy xác nhận tặng cho đất ở" do bà Đ ghi ngày 20/3/2018 ông có nghi ngờ không phải do vợ chồng ông ký nhưng giấy này không có giá trị pháp lý, nên ông không yêu cầu giám định. Và ngày 15/02/2008 tại UBND xã Q ông cũng không đồng ý tặng cho và chấp nhận sang tên đổi chủ cho bà Đ thửa đất 722 như bà Đ trình bày.

Ông thừa nhận trước đây có hứa cho bà Võ Thị T (em ruột ông) ½ thửa đất 722 để làm nhà ở. Vì thời điểm đó T làm mẹ đơn thân và phiên hòa giải lần đầu ngày 06/6/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Q vợ chồng ông thống nhất tặng cho bà Đ ½ thửa đất 722, cụ thể chiều ngang mặt tiền 05m, chiều dài đến hết đất với điều kiện các bên tự thỏa thuận để làm thủ tục tại UBND thị trấn H. Giải quyết trong nội bộ gia đình và bà Đ phải xóa hết số nợ 13.000.000 đồng với bà Y, còn ½ thửa đất 722, vợ chồng ông sẽ tự tính với bà T. Nhưng bà Đ không đồng ý thỏa thuận, cương quyết khởi kiện ra Tòa nên vợ chồng ông không thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với việc thỏa thuận giữa bà Đ và bà T dùng thửa đất 722 là tài sản của vợ chồng ông để trừ số tiền nợ 5.000.000 đồng, ông hoàn toàn không biết và không thống nhất nội dung thỏa thuận này.

- Bị đơn bà Lê Thị Y có lời trình bày thống nhất như quan điểm của chồng bà ông Võ Đình H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận thời điểm chốt nợ năm 2001, bà có nợ bà Đ một khoản tiền và đến năm 2019 thì bà T đã trả hết nợ cho bà Đ. Trong quá trình trả nợ, bà T có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà Đ ½ thửa đất 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2 tại thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam để trừ nợ với số tiền 5.000.000 đồng. Thửa đất số 722 do ông Võ Đình H và bà Lê Thị Y đứng tên Giấy CNQSD đất vì có hứa cho bà ½ thửa đất để làm nhà nên khi thiếu nợ bà Đ, bà đã thỏa thuận chuyển qua cho bà Đ để trừ nợ. Vì lời hứa như vậy, nên bà xác định là tài sản của mình và nói với bà Đ là nhờ vợ chồng H, Y đứng tên. Là anh em ruột trong gia đình, nên chỉ thỏa thuận miệng với nhau mà không có hợp đồng hay chứng cứ gì chứng minh. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng H, Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất 722 là không đúng thực tế, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Với nội dung như trên, Bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 119, Điều 457, Điều 459, Điều 502 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 5 Luật Công chứng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ về việc yêu cầu ông Võ Đình H, bà Lê Thị Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2 tại thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí xem xét thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/4/2023, nguyên đơn bà Võ Thị Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Võ Đình H và bà Lê Thị Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2 tại thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày về nội dung kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án buộc vợ chồng ông H, bà Y trả lại 50% thửa đất 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2 tại thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cho bà.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: nguyên đơn bà Võ Thị Đ kháng cáo trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Y và bà Võ Thị T, những người này đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo nguyên đơn bà Võ Thị Đ thì thấy: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Bà Võ Thị Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2 tại thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nhưng thực chất là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì bà cho rằng: thửa đất này của bà Võ Thị T đã bán cho bà vào năm 2001, để trừ số tiền nợ 5.000.000 đồng nhưng nhờ vợ chồng H, Y đứng tên Giấy CNQSD đất. Khi vợ chồng H, Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 722, bà đồng ý cho vợ chồng H, Y số tiền 58.116.000 đồng và cho T số tiền 59.000.000 đồng.

Về nguồn gốc thửa đất số 722: Ông Võ Đình H, bà Lê Thị Y được UBND huyện Q giao đất theo Quyết định số 15/QĐUB ngày 07/01/1997 với thửa đất 303, tờ bản đồ số 4, diện tích 160m^2 tại thôn F, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Năm 2003 ông Võ Đình H, bà Lê Thị Y được cấp Giấy CNQSD đất ngày 30/7/2003 của UBND huyện Q với thửa đất số 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 120m^2 tại thôn T, xã Q (nay là tổ dân phố H, thị trấn H), huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Sau đó, Giấy CNQSD đất bị mất, nên ngày 18/6/2020 ông Võ Đình H, bà Lê Thị Y ủy quyền cho bà Võ Thị Đ thực hiện các việc liên quan đến thủ tục cấp lại Giấy CNQSD đất và ngày 10/8/2020 được cấp lại Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 722. Các đương sự thừa nhận trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho ông Võ Đình H, bà Lê Thị Y đối với thửa số 722, là đúng quy định pháp luật và không ai có ý kiến hay khiếu nại gì.

Xét "Giấy xác nhận tặng cho đất ở" ghi ngày 20/3/2018 do bà Võ Thị Đ cung cấp: Theo quy định của pháp luật thì Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực, phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính. "Giấy xác nhận tặng cho đất ở" ghi ngày 20/3/2018 là hình thức của văn bản về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng cả nội dung và hình thức không phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 119, Điều 457, Điều 459, Điều 502 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 và khoản 1 Điều 5 Luật Công chứng, đồng thời không thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của vợ chồng ông H, bà Y nên không có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nội dung làm việc ngày 15/02/2008 tại UBND xã Q, huyện Q thì đại diện UBND xã Q xác nhận: thời gian trên có mời bà Võ Thị Đ, ông Võ Đình H đến trụ sở làm việc, nhưng nội dung làm việc liên quan đến đơn báo cáo của bà Đ về việc mất Giấy

CNQSD đất của vợ chồng ông Võ Đình H, đại diện Ủy ban có lập Biên bản làm việc để có cơ sở lập thủ tục cấp lại Giấy CNQSD đất, Uỷ ban không giải quyết nội dung liên quan đến việc tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 722 (BL161).

Tại buổi thẩm định ngày 18/11/2022 Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đã ghi nhận hiện trạng thửa đất số 722: đất trống, trên đất không có tài sản gì (BL154-156) và bà Đ thừa nhận từ trước đến nay chưa sử dụng thửa đất số 722.

Mặc dù bà T thừa nhận đã thỏa thuận chuyển nhượng cho bà Đ ½ thửa đất 722 để trừ số nợ 5.000.000 đồng nhưng vợ chồng H, Y không thống nhất nội dung này, đồng thời cả bà T, bà Đ đều không đưa ra được bất cứ giấy tờ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ về việc yêu cầu ông Võ Đình H, bà Lê Thị Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2 tại thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị Đ không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Đ nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Võ Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 10/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 119, Điều 457, Điều 459, Điều 502 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 5 Luật Công chứng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ về việc yêu cầu ông Võ Đình H, bà Lê Thị Y thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 722, tờ bản đồ số 7, diện tích 160m^2 tại thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Võ Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Được trừ vào

số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004639 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

3. Bà Võ Thị Đ phải chịu chi phí thẩm định, định giá: 1.772.000 đồng, số tiền này bà Đ đã nộp xong.

4. Bà Võ Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005000 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Thịnh